

CPAVIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision



Local Expertise
International Presence

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
VÀ THƯƠNG MẠI BẮNG GIANG CAO BẰNG**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

Head Office in Hanoi: 8th floor, VG Building,
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121
+84 (24) 3 783 2122

info@cpvietnam.vn
www.cpvietnam.vn

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang - Cao Bằng (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Khách sạn Bằng Giang được thành lập theo Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 19 tháng 03 năm 2008 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Khách sạn Bằng Giang thành Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang - Cao Bằng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4800130044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 07 tháng 09 năm 2019.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 09 năm 2019, Vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 18.000.000.000 đồng (*Mười tám tỷ đồng*).

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 001, Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sàn Upcom từ ngày 16/03/2021. Mã chứng khoán: BCV.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Viên	Chủ tịch
Bà Nông Thị Thúy	Thành viên
Ông Đoàn Trọng Hùng	Thành viên
Ông Lê Văn Huyền	Thành viên
Ông Vương Văn Hường	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lý Thị Huệ	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08/5/2021)
Bà Đào Thị Vân Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 08/5/2021)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Nông Thị Thúy	Giám đốc
Ông Dương Quốc Thái	Kế toán trưởng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nông Thị Thúy

Giám đốc

Cao Bằng, ngày 14 tháng 8 năm 2021

Số. 188/2021/BCSX-CPA VIETNAM-NVI

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng được lập ngày 14 tháng 8 năm 2021, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Như đã trình bày tại mục 4 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30/6/2021 lỗ lũy kế của Công ty là (4.710.594.781) đồng, các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 1.163.011.289 đồng và lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (645.369.405) đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên giả định hoạt động liên tục do Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng hoạt động của Công ty trong tương lai sẽ có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và tiếp tục nhận được cung cấp tài chính từ các tổ chức tín dụng cũng như các cổ đông và nhà đầu tư.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được Công ty kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính giữa niên độ vào ngày 10/8/2020. Ngoài ra, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính vào ngày 26/2/2021.



Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.932.332.045	2.801.157.562
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	547.698.419	1.193.067.824
1. Tiền	111		547.698.419	1.193.067.824
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.183.010.208	1.336.036.148
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	655.418.008	802.153.008
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	5.655.100	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	578.628.100	590.574.140
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(56.691.000)	(56.691.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	172.738.796	231.710.569
1. Hàng tồn kho	141		172.738.796	231.710.569
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.884.622	40.343.021
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	18.092.066	29.550.465
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.792.556	10.792.556
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+ 240+250+260)	200		17.768.383.810	18.940.314.634
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		17.110.484.236	17.951.691.576
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	17.110.484.236	17.951.691.576
- Nguyên giá	222		45.532.442.385	45.532.442.385
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.421.958.149)	(27.580.750.809)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		657.899.574	988.623.058
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	657.899.574	988.623.058
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		19.700.715.855	21.741.472.196

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		5.680.533.198	7.464.757.268
I. Nợ ngắn hạn	310		3.095.343.334	4.724.904.909
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	1.250.691.554	1.754.162.111
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	257.340.000	583.570.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	775.385.751	405.664.679
4. Phải trả người lao động	314		74.001.381	160.751.315
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	2.000.465	4.256.214
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.13	319.999.989	571.818.183
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	18.304.406	7.247.114
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	376.712.816	1.228.488.321
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		20.906.972	8.946.972
II. Nợ dài hạn	330		2.585.189.864	2.739.852.359
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.13	919.393.940	919.393.940
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	1.276.169.667	1.276.169.667
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	389.626.257	544.288.752
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		14.020.182.657	14.276.714.928
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	14.020.182.657	14.276.714.928
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.000.000.000	18.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		730.777.438	730.777.438
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.710.594.781)	(4.454.062.510)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.454.062.510)	(2.577.865.829)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(256.532.271)	(1.876.196.681)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		19.700.715.855	21.741.472.196

Người lập

Lục Thị Yên

Kế toán trưởng

Dương Quốc Thái

Cao Bằng, ngày 14 tháng 8 năm 2021



Giám đốc

Nông Thị Thúy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.460.100.010	2.971.582.286
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		3.460.100.010	2.971.582.286
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.239.837.461	3.783.082.571
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		220.262.549	(811.500.285)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	502.684	477.576
7. Chi phí tài chính	22	6.4	49.256.291	95.482.092
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		49.256.291	95.482.092
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	1.138.147.984	1.275.970.891
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(966.639.042)	(2.182.475.692)
11. Thu nhập khác	31	6.6	715.338.181	606.347.274
12. Chi phí khác	32	6.6	5.231.410	9.334.997
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		710.106.771	597.012.277
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(256.532.271)	(1.585.463.415)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(256.532.271)	(1.585.463.415)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	(142,5)	(880,8)

Người lập

Lục Thị Yên

Kế toán trưởng

Dương Quốc Thái

Cao Bằng, ngày 14 tháng 8 năm 2021



Nông Thị Thúy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(256.532.271)	(1.585.463.415)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	841.207.340	1.032.347.268
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(502.684)	(477.576)
- Chi phí lãi vay	06	49.256.291	95.482.092
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	633.428.676	(458.111.631)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	153.025.940	142.354.818
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	58.971.773	12.082.924
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(998.642.251)	(752.361.175)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	342.181.883	279.876.442
- Tiền lãi vay đã trả	14	(51.612.039)	(96.615.298)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	577.830.000	603.680.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(354.618.071)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	360.565.911	(269.093.920)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	502.684	477.576
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	502.684	477.576
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	600.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.006.438.000)	(780.438.002)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.006.438.000)	(180.438.002)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(645.369.405)	(449.054.346)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.193.067.824	1.448.856.303
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	547.698.419	999.801.957

Cao Bằng, ngày 14 tháng 8 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng





Lục Thị Yến

Dương Quốc Thái



Nông Thị Thúy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang - Cao Bằng tiền thân là Khách sạn Bằng Giang được thành lập theo Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 19 tháng 03 năm 2008 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Khách sạn Bằng Giang thành Công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang - Cao Bằng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4800130044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 07 tháng 09 năm 2019.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 09 năm 2019, Vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 18.000.000.000 đồng (*Mười tám tỷ đồng*).

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 001, Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sàn Upcom từ ngày 16/03/2021. Mã chứng khoán: BCV.

Số lao động của Công ty tại ngày 30/6/2021 là 25 người (Tại ngày 01/01/2021 là 25 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng, ăn uống và giải khát;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế;
- Kinh doanh thương mại.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường: Chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2021, Công ty không có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh.

2. NĂM TÀI CHÍNH/ KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ và ghi sổ bằng máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về hoạt động liên tục

Tại ngày 30/6/2021, Lỗ lũy kế của Công ty là (4.710.594.781) đồng, các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 1.163.011.289 đồng và lưu chuyển tiền thuần trong kỳ âm 645.369.405 đồng. Thực tế này cho thấy tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty cho các năm tài chính tiếp theo. Hội đồng quản trị và Giám đốc xác định năm 2021 hoạt động Sản xuất kinh doanh tiếp tục khó khăn do đại dịch Covid 19, Hội đồng quản trị và Giám đốc đã thực hiện đánh giá vấn đề này và xây dựng Phương án khắc phục, bao gồm:

- Về kinh doanh hoàn thiện, duy trì và nâng cao chất lượng các dịch vụ thế mạnh của Công ty, tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động marketing sau khi hết dịch bệnh, tích cực quảng bá thương hiệu nhằm đẩy mạnh và nâng cao năng lực cạnh tranh;

- Xem xét khả năng huy động vốn, tìm kiếm đối tác chiến lược thông qua thị trường chứng khoán;

- Về công tác quản trị: Nâng cao kỹ năng quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực của đội ngũ lãnh đạo Công ty, thực hiện triệt để chủ trương tiết kiệm tránh thất thoát lãng phí, giảm thiểu các chi phí tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh... để đảm bảo thực hiện kế hoạch theo nghị quyết Đại hội đồng cổ công năm 2021.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động tối thiểu trong 12 tháng tới. Hoạt động của Công ty trong tương lai sẽ có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và tiếp tục nhận được cung cấp tài chính từ các tổ chức tín dụng cũng như các cổ đông và nhà đầu tư. Theo đó, Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên giả định hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao
	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước của Công ty được phân bổ vào chi phí sản xuất theo phương pháp đường thẳng, với thời gian phân bổ không quá 12 tháng và 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty là doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp hàng hóa dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ. Chi phí tài chính của Công ty là chi phí đi vay.

Chi phí đi vay: Ghi nhận căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất 20%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh khai thác khoáng sản và trong lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ.

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	68.426.542	324.836.818
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	479.271.877	868.231.006
Tổng	547.698.419	1.193.067.824

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	655.418.008	802.153.008
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	42.710.000	17.889.000
Thành ủy Cao Bằng	42.128.000	-
Văn phòng Tỉnh ủy CB	154.825.000	194.141.000
Các đối tượng khác	415.755.008	590.123.008
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	70.286.000	41.221.000
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)</i>		
Tổng	655.418.008	802.153.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn	5.655.100	-
Mông Thị Vân	5.655.100	-
Tổng	5.655.100	-

5.4 Phải thu khác

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	578.628.100	-	590.574.140	-
Ký cược, ký quỹ (i)	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty Du lịch	75.000.000	-	85.000.000	-
Á Châu	3.628.100	-	5.574.140	-
Các khoản khác	578.628.100	-	590.574.140	-
Tổng	578.628.100	-	590.574.140	-

(i) Ký quỹ lý hành Quốc tế Ngân hàng BIDV.

5.5 Nợ xấu

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	56.691.000	-	56.691.000	-
Tên Công ty				Quá hạn trên 3 năm VND
Công ty Đầu tư và Phát triển miền núi				19.177.000
Công ty Liên minh người dùng				37.514.000
Tổng				56.691.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.6 Hàng tồn kho

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021(VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	45.924.829	-	89.539.127	-
Công cụ, dụng cụ	51.739.016	-	63.726.092	-
Hàng hoá	75.074.951	-	78.445.350	-
Tổng	172.738.796	-	231.710.569	-

5.7 Chi phí trả trước

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	18.092.066	29.550.465
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	18.092.066	29.550.465
Dài hạn	657.899.574	988.623.058
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	657.899.574	988.623.058
Tổng	675.991.640	1.018.173.523

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
VÀ THƯƠNG MẠI BẮNG GIANG CAO BẰNG
Số 1, Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố
Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2021	39.165.191.828	5.398.513.416	546.812.349	76.363.636	345.561.156	45.532.442.385
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2021	39.165.191.828	5.398.513.416	546.812.349	76.363.636	345.561.156	45.532.442.385
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2021	23.333.250.366	3.278.763.302	546.812.349	76.363.636	345.561.156	27.580.750.809
Tăng trong kỳ	519.890.382	321.316.958	-	-	-	841.207.340
Khấu hao trong kỳ	519.890.382	321.316.958	-	-	-	841.207.340
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2021	23.853.140.748	3.600.080.260	546.812.349	76.363.636	345.561.156	28.421.958.149
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2021	15.831.941.462	2.119.750.114	-	-	-	17.951.691.576
Số dư tại 30/06/2021	15.312.051.080	1.798.433.156	-	-	-	17.110.484.236

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/6/2021: 15.312.051.079 đồng (tại ngày 31/12/2020: 15.831.941.461 đồng).

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2021: 5.060.561.025 đồng (Tại ngày 31/12/2020: 5.060.561.025 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.9 Phải trả người bán

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021(VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	1.250.691.554	1.250.691.554	1.754.162.111	1.754.162.111
Nguyễn Thị Dung	257.769.050	257.769.050	288.922.050	288.922.050
Trần Thanh Hải	151.480.500	151.480.500	158.899.500	158.899.500
Đình Thị Huế	188.003.000	188.003.000	562.127.250	562.127.250
Mông Thị Vân	-	-	140.824.880	140.824.880
Đối tượng khác	653.439.004	653.439.004	603.388.431	603.388.431
Tổng	1.250.691.554	1.250.691.554	1.754.162.111	1.754.162.111

5.10 Người mua trả tiền trước

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	257.340.000	583.570.000
Nguyễn Thành Đô	253.790.000	553.790.000
Đối tượng khác	3.550.000	29.780.000
Tổng	257.340.000	583.570.000

5.11 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2021
	Phải nộp	405.664.679	904.410.073	534.689.001
Thuế giá trị gia tăng	405.664.679	272.890.145	516.527.145	162.027.679
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	628.519.928	15.161.856	613.358.072
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.12 Chi phí phải trả

	<u>30/6/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	2.000.465	4.256.214
Trích trước chi phí viễn thông	1.499.999	4.256.214
Chi phí lãi vay	500.466	-
Tổng	<u>2.000.465</u>	<u>4.256.214</u>

5.13 Doanh thu chưa thực hiện

	<u>30/6/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	319.999.989	571.818.183
Doanh thu cho thuê mặt bằng	319.999.989	571.818.183
b) Dài hạn	919.393.940	919.393.940
Doanh thu cho thuê mặt bằng	919.393.940	919.393.940
Tổng	<u>1.239.393.929</u>	<u>1.491.212.123</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
VÀ THƯƠNG MẠI BÀNG GIANG CAO BẰNG**
Số 1, Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố
Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả	376.712.816	376.712.816	154.662.495	1.006.438.000	1.228.488.321	1.228.488.321
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng	376.712.816	376.712.816	154.662.495	1.006.438.000	1.228.488.321	1.228.488.321
Vay dài hạn	389.626.257	389.626.257	-	154.662.495	544.288.752	544.288.752
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng	389.626.257	389.626.257	-	154.662.495	544.288.752	544.288.752
Tổng	766.339.073	766.339.073	154.662.495	1.161.100.495	1.772.777.073	1.772.777.073

Đơn vị tính: VND

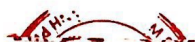
Thông tin về các khoản vay

Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Cao Bằng:

Vay dài hạn đến hạn trả:

Hợp đồng tín dụng 275.2019/HĐCVTL/NHCT186-HĐCVTL/NHCT186-CTCP DL&TM BGCB-VIMICO ngày 08/8/2019, số tiền 1 tỷ đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, tài sản đảm bảo theo HĐ 109 (giấy nhận nợ lần 1 ngày 08/8/2019 vay 400 triệu, lần 2 ngày 20/4/2020 vay 600 triệu).

Hợp đồng tín dụng 376.2016/HĐTC-PBL ngày 26/10/2016, thời hạn vay 59 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, hợp đồng thế chấp tài sản số tài sản đảm bảo theo HĐ 109 thế chấp khách sạn Bằng Giang.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
VÀ THƯƠNG MẠI BẰNG GIANG CAO BẰNG**
Số 1, Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố
Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Dài hạn:

Hợp đồng tín dụng 314.2020/HĐCVTL/NHCT186-CTCP DL&TM BGCB-VIMICO ngày 16/9/2020, Số tiền 260.000.000 đồng thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, hợp đồng thế chấp tài sản số 109.2017/HĐTC-PBL thế chấp khách sạn Bằng Giang.

Hợp đồng tín dụng 319.2019/HĐCVTL/NHCT186-HĐCVTL/NHCT186-CTCP DL&TM BGCB-VIMICO ngày 16/9/2020, số tiền 258.000.000 đồng thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, tài sản đảm bảo theo HD 109 thế chấp khách sạn Bằng Giang.

Hợp đồng tín dụng 331.2017/HĐCVTL/NHCT186-BANGGIANG ngày 16/9/2020, số tiền 461.175.000 đồng thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, không có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng tín dụng 435.2019/HĐCVTL/NHCT186-HĐCVTL/NHCT186-CTCP DL&TM BGCB-VIMICO ngày 08/8/2019, Số tiền vay 177.450.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, tài sản đảm bảo theo HD 109 thế chấp khách sạn Bằng Giang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.15 Phải trả khác

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	18.304.406	7.247.114
Kinh phí công đoàn	13.956.533	3.849.241
Các khoản phải trả khác	4.347.873	3.397.873
Dài hạn	1.276.169.667	1.276.169.667
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	300.000.000	300.000.000
Ngân hàng Agribank CN Cao Bằng (Lãi vay đầu tư xây dựng khách sạn Bằng Giang)	976.169.667	976.169.667
Tổng	1.294.474.073	1.283.416.781

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	18.000.000.000	730.777.438	(2.577.865.829)	16.152.911.609
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	(1.876.196.681)	(1.876.196.681)
Lỗ trong năm	-	-	(1.876.196.681)	(1.876.196.681)
Số dư tại 31/12/2020	18.000.000.000	730.777.438	(4.454.062.510)	14.276.714.928
Số dư tại 01/01/2021	18.000.000.000	730.777.438	(4.454.062.510)	14.276.714.928
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	(256.532.271)	(256.532.271)
Lỗ trong kỳ	-	-	(256.532.271)	(256.532.271)
Số dư tại 30/06/2021	18.000.000.000	730.777.438	(4.710.594.781)	14.020.182.657

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tổng Công ty Khoáng sản - TKV	9.235.000.000	9.235.000.000
Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng	7.516.000.000	7.516.000.000
Cổ đông khác	1.249.000.000	1.249.000.000
Tổng	18.000.000.000	18.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	18.000.000.000	18.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	18.000.000.000	18.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.800.000	1.800.000
Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.800.000	1.800.000
Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ.

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.460.100.010	2.971.582.286
Tổng	3.460.100.010	2.971.582.286
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.1)	390.482.727	340.020.001

6.2 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	3.239.837.461	3.783.082.571
Tổng	3.239.837.461	3.783.082.571

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi	502.684	477.576
Tổng	502.684	477.576

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí lãi vay	49.256.291	95.482.092
Tổng	49.256.291	95.482.092

6.5 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.138.147.984	1.275.970.891
Chi phí nhân viên quản lý	400.738.414	411.485.421
Chi phí tiền thuê đất, thuê môn bài	631.519.928	628.519.928
Chi phí bằng tiền khác	105.889.642	235.965.542
Chi phí bán hàng	-	-

6.6 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Thu nhập khác		
Tiền hỗ trợ người lao động từ Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP	715.338.181	603.680.000
Thu nhập khác	-	2.667.274
Tổng	715.338.181	606.347.274
Chi phí khác		
Phạt vi phạm hành chính về Thuế	-	2.314.997
Chi phí khác	5.231.410	7.020.000
Tổng	5.231.410	9.334.997
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	710.106.771	597.012.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(256.532.271)	(1.585.463.415)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(256.532.271)	(1.585.463.415)
Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	1.800.000	1.800.000
Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.800.000	1.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(142,5)	(880,8)

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Viên

Bà Nông Thị Thúy

Ông Vương Văn Hường

Ông Đoàn Trọng Hùng

Ông Lê Văn Huyền

Ban Kiểm soát

Bà Lý Thị Huệ

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

Bà Đào Thị Vân Anh

Ban Giám đốc

Bà Nông Thị Thúy

Ông Dương Quốc Thái

Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP

Công ty CP Khoáng sản và Luyện Kim Cao Bằng

Công ty CP Gang thép Cao Bằng

Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai

Công ty CP Khoáng sản 3

Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

Giám đốc

Kế toán trưởng

Công ty mẹ

Cùng Công ty mẹ

Cùng Công ty mẹ

Cùng Công ty mẹ

Cùng Công ty mẹ

Cùng Công ty mẹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020
		VND	VND
Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Lương và thù lao	120.336.000	111.600.000
Tổng		120.336.000	111.600.000

c. Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020
		VND	VND
Mua hàng		16.338.182	18.320.000
Công ty CP khoáng sản & luyện kim Cao Bằng	Mua hàng hóa	16.338.182	18.320.000
Bán hàng		390.482.727	340.020.001
Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP	Cung cấp dịch vụ	285.936.364	209.085.455
Công ty CP Khoáng sản và Luyện Kim Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	40.550.909	98.557.273
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	63.995.454	32.377.273

d. Số dư với bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	30/6/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu khách hàng		70.286.000	41.221.000
Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP	Cung cấp dịch vụ	26.450.000	13.090.000
Công ty CP Khoáng sản và Luyện Kim Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	1.126.000	10.242.000
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	42.710.000	17.889.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Người lập

Lục Thị Yên

Kế toán trưởng

Dương Quốc Thái

Cao Bằng, ngày 14 tháng 8 năm 2021



Giám đốc

Nông Thị Thúy

Số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM

Ngày 02 tháng 01 năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN*(Về việc ký các Văn bản, Hợp đồng và Báo cáo chuyên ngành)*

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc Hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13 đã được Quốc Hội Nước Cộng hòa xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18/06/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM và các sửa đổi, bổ sung đến thời điểm hiện tại;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Tôi tên là **Nguyễn Phú Hà - Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc**, số Căn cước Công dân: 026072001408 do Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 07/11/2016, là Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM, địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam. Bằng Văn bản này ủy quyền cho: **Ông Vũ Ngọc Án - Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM**, số Chứng minh thư nhân dân: 036057000214 do Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 03/07/2015, thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Ký các Văn bản, Hồ sơ chào hàng, chào phí, Hồ sơ quan tâm, Hồ sơ đề xuất, Hồ sơ dự thầu, Hồ sơ làm rõ Hồ sơ quan tâm các dịch vụ tài chính chuyên ngành;
- Tham gia thương thảo, ký Biên bản thương thảo Hợp đồng, Hợp đồng, thư thỏa thuận cung cấp các dịch vụ tài chính chuyên ngành. Ký thanh lý Hợp đồng, Hóa đơn GTGT các dịch vụ thuộc phạm vi được phép kinh doanh của Công ty có giá trị từ 500 triệu đồng trở xuống;
- Ký các Báo cáo kiểm toán, Báo cáo kết quả công tác soát xét, Báo cáo tư vấn, Biên bản, Hồ sơ tư vấn các dịch vụ tài chính chuyên ngành;

Người được Ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM và không được ủy quyền lại cho bên thứ 3. Ông Vũ Ngọc Án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Công ty và Pháp luật về những công việc do mình thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 02 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Giấy Ủy quyền này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, người ủy quyền giữ 01 bản, người được ủy quyền giữ 01 bản, 03 bản lưu tại bộ phận Văn thư lưu trữ của Công ty.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Phú Hà

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Vũ Ngọc Án